

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 43/2026/HSST

Ngày 19 tháng 6 năm 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Võ Chí Công

2- Ông Lê Hợp Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8- Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn S**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 20 tháng 11 năm 1993 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; số CCCD: 040xxxxxxx cấp ngày 08/2/2021, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Văn T**, sinh năm 1960 và con bà **Trần Thị K**, sinh năm 1962; vợ con: Chưa có; Tiền án: Ngày 29/8/2022, bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án Khu vực 8- Nghệ an) xử phạt 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng; phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng) về tội đánh bạc; tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2026 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Mai Duy K1, T1** gọi khác: không; Sinh ngày: 09 tháng 01 năm 1991 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; Số CCCD: 0400xxxxxx cấp ngày 10/3/2021, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Xóm P, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Mai Văn C**, sinh năm 1960 và con bà **Phan Thị T2**, sinh năm 1961; Có vợ: **Lê**

Thị L, sinh năm 1992 và có 02 con. Con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 14/01/2019 bị **UBND thị xã T**, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ pháo trái phép” với số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); Ngày 23/9/2021 bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án Khu vực 8- Nghệ An) xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 20/7/2023. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2026 đến ngày 28/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. 3. Họ và tên: **Lê Văn T3, T1** gọi khác: không; Sinh ngày 25 tháng 8 năm 1980 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; CMND số: 1137xxxxx cấp ngày 16/10/2018, nơi cấp: **Công an tỉnh H**; Nơi ĐKKHTT: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn C1** (đã chết) và con bà **Trương Thị M**, sinh năm 1945; Có vợ: **Cao Thị L1**, Sinh năm: 1995 (đã ly hôn) và có 02, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2026 đến nay, có mặt tại phiên tòa. 4. Họ và tên: **Lê Trọng T4, T1** gọi khác: không; sinh ngày 20 tháng 7 năm 1981 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; Số CCCD: 0400xxxxxxx cấp ngày 05/03/2022, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Trọng L2**, sinh năm 1949 và con bà **Lê Thị T5**, sinh năm 1952; Có vợ **Lê Thị N**, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015 Tiền sự, tiền án: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2026 đến ngày 28/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. 5. Họ và tên: **Lê Văn H, T1** gọi khác: Không; Sinh ngày: 03 tháng 02 năm 1990 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; Số CCCD: 040094xxxxxxx cấp ngày 23/02/2022, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Văn N1** (đã chết) và con bà **Lê Thị B**, sinh năm 1965; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2026 đến ngày 28/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. 6. Họ và tên: **Lê Trọng Q, T1** gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 02 năm 2001 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; Số CCCD: 040200xxxxxxx cấp ngày 16/01/2024, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Trọng T6**, sinh năm 1970 và con bà **Lê Thị M1**, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2026 đến ngày 28/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. 7. Họ và tên: **Lê Võ Q1**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26 tháng 5 năm 1986 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; Số CCCD: 0400890xxxxx cấp ngày 28/4/2023, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Võ D** (đã chết) và con bà **Lê Thị D1**, sinh năm 1961; Có vợ: **Lê Thị H1**, sinh năm 1985 và có 02 con. Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2026 đến ngày 28/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. 8. Họ và tên: **Lê Võ T7, T1** gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1979 tại **xã N, tỉnh Nghệ An**; Số CCCD: 04007xxxxxxxxxxxxx cấp ngày 02/2/2021, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Võ Đ** (đã chết) và con bà **Lê Thị Q2**, sinh năm 1945; Có vợ **Lê Thị V**, sinh năm 1975 và có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền sự, tiền án: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2026 đến ngày 28/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. 9. Họ và tên: **Lê Thị V, T1** gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 12 năm 1972 tại tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 0381xxxxxxx cấp ngày 02/1/2021, nơi cấp: **Cục C3** về TTXH **Bộ C4**; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 1/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Hữu H2** (đã chết) và con bà **Lê Thị S1**, sinh năm 1947; Có chồng: **Lê Võ T7**, sinh năm 1973 và có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền sự, tiền án: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2026 đến ngày 28/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2026 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. - **Người chứng kiến:** + Anh **Lê Văn C2**, sinh năm 1965 Trú tại: **Xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt. NỘI DUNG VỤ ÁN Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/02/2026, khi **Lê Thị V** và **Lê Võ T7** đang ở nhà tại **xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An** thì có **Lê Võ Q1**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng Q**, **Lê Văn S**, **Lê Trọng T4** và **Lê Văn H** đến nhà chơi. Quá trình ngồi chơi nói

chuyện thì Lê Võ Q1, Lê Văn T3, Lê Trọng Q, Lê Văn S, Lê Trọng T4 và Lê Văn H cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Sau đó, Lê Văn S vào nhà Lê Thị V lấy ra 01 chiếc bát sứ và 01 chiếc đĩa sứ màu trắng còn Lê Văn T3 lấy ra 04 (bốn) quân xúc xắc được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá có sẵn trong gian bếp nhà Lê Thị V để dùng làm công cụ chơi xóc đĩa. Lê Võ Q1, Lê Văn T3, Lê Trọng Q, Lê Văn S, Lê Trọng T4 và Lê Văn H cùng ngồi chơi xóc đĩa ăn tiền tại đường bê tông trước cổng nhà Lê Thị V, các bị cáo thống nhất quy định mỗi ván đặt cược tối thiểu 100.000 đồng/ván. Quá trình đánh bạc thì Lê Văn S là người cầm cái đầu tiên, sau đó chuyển cho Lê Trọng T4 cầm cái. Khi các đối tượng trên chơi xóc đĩa ăn tiền được khoảng 30 phút thì có Mai Duy K1 đến và vào tham gia đánh bạc cùng. Sau đó khoảng 05 phút thì có thêm Lê Thị V và Lê Võ T7 cùng vào tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc thì có Lê Văn T3 lấy từ tiền thắng bạc cho Lê Trọng T4 vay 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và Lê Văn H cũng lấy từ tiền thắng bạc cho Lê Văn S vay 1.000.000đ (Một triệu đồng), sau đó Lê Văn S đánh thắng bạc thì cho Lê Thị V 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc. Lê Thị V chơi được khoảng 03 đến 04 ván thì thua hết tiền nên nghỉ trước và đứng xem các bị cáo còn lại chơi đánh bạc. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 19/02/2026, khi Lê Võ Q1, Lê Văn T3, Lê Trọng Q, Lê Văn S, Lê Trọng T4, Lê Văn H, Mai Duy K1 và Lê Võ T7 đang cùng nhau tham gia chơi xóc đĩa ăn tiền thì có tổ công tác Công an xã N tuần tra đi tới nên các bị cáo trên bỏ chạy để lại tại hiện trường 01 (một) bát sứ màu trắng nhãn hiệu Thái Bình, 01 (một) đĩa sứ màu trắng không rõ nhãn hiệu, 04 mảnh giấy hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá và số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Tổ công tác truy đuổi và giữ được bị cáo Lê Võ Q1, thu giữ trên người Q1 số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng là tiền đánh bạc Q1 cầm theo khi bỏ chạy. Sau đó, có Lê Trọng T4 quay lại và tự nguyện giao nộp số tiền 800.000đ (T3 trăm nghìn đồng) là tiền T4 lấy trên chiếu bạc khi bỏ chạy. Cơ quan Công an xã N lập biên bản sự việc thu giữ toàn bộ vật chứng và số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) đưa về trụ sở để xác minh làm rõ. Biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không thể trốn tránh nên sau đó, Lê Văn T3, Lê Trọng Q, Lê Văn S, Lê Văn H, Mai Duy K1 và Lê Võ T7 đã đến Công an xã N để đầu thú khai nhận hành vi Đánh bạc của mình và giao nộp số tiền đã dùng để đánh bạc. Quá trình đầu thú, các bị cáo đã giao nộp số tiền đánh bạc đã cầm theo khi bỏ chạy gồm: Lê Văn T3 giao nộp 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng), Lê Văn H giao nộp 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng), Lê Văn S giao nộp 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), Lê Võ T7 giao nộp 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), Lê Trọng Q giao nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), Mai Duy K1 giao nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Căn cứ vào lời khai của các bị cáo cùng tham gia đánh bạc và quá trình điều tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã tiến hành giữ

khẩn cấp đối với **Lê Võ Q1**, **Lê Thị V**, **Lê Trọng T4** vào ngày 19/02/2026. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận đã sử dụng số tiền để tham gia đánh bạc như sau: **Lê Võ Q1** sử dụng số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, **Lê Thị V** sử dụng số tiền 300.000 đồng (Trong đó có 100.000 đồng là tiền của **V** và 200.000 đồng là tiền **Lê Văn S** cho **V** để tham gia đánh bạc), **Lê Trọng T4** sử dụng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), (trong đó có 500.000 đồng là tiền của **T4** và 500.000 đồng là tiền vay của **Lê Văn T3** trong quá trình đánh bạc), **Lê Võ T7** sử dụng số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), **Lê Văn S** sử dụng số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng), (trong đó có 800.000 đồng là tiền của **S** và 1.000.000 đồng là tiền vay của **Lê Văn H** trong quá trình đánh bạc), **Lê Trọng Q** sử dụng số tiền 1.000.000 đồng, **Mai Duy K1** sử dụng số tiền 500.000 đồng, **Lê Văn T3** sử dụng số tiền 1.400.000 đồng, **Lê Văn H** sử dụng số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) **Lê Văn S** cho **Lê Thị V**; 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) **Lê Văn T3** cho **Lê Trọng T4** vay và 1.000.000đ (Một triệu đồng) **Lê Văn H** cho **Lê Văn S** vay trong quá trình đánh bạc là tiền do các đối tượng lấy từ số tiền thắng bạc trong lần đánh bạc này để cho vay. Vì vậy, tổng số tiền các bị cáo **Lê Văn S**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng Q**, **Lê Võ Q1**, **Lê Trọng T4**, **Lê Văn H**, **Mai Duy K1**, **Lê Thị V** và **Lê Võ T7** sử dụng để tham đánh bạc vào ngày 18 tháng 02 năm 2026 là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** đã thu giữ: -01 (Một) bát sứ màu trắng nhãn hiệu Thái Bình, đường kính miệng 10,5 cm, đường kính đế 4,5 cm, đã qua sử dụng; - 01 (Một) đĩa sứ màu trắng không rõ nhãn hiệu, viền ngoài có hình dạng bốn cạnh cong, miệng đĩa có kích thước (18,5 x 20,5)cm, đường kính đế 11cm, đã qua sử dụng; - 04 (Bốn) mảnh giấy hình tròn đường kính 02 cm, được cắt từ vỏ bao thuốc lá, một mặt màu vàng, mặt còn lại màu trắng; Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8- Nghệ An theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/5/2026 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8- Nghệ An. - Số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) hiện đang được gửi tại **phòng G**- Kho bạc nhà nước khu vực XI theo biên bản giao nhận tài sản ngày 17/4/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** và đại diện **ban G**. Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Nghệ An đã truy tố các bị cáo **Lê Văn S**, **Mai Duy K1**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng T4**, **Lê Trọng Q**, **Lê Văn H**, **Lê Võ Q1**, **Lê Võ T7**, **Lê Thị V** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS. Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Nghệ An giữ nguyên quan điểm như đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: - Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm h khoản 1 điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38- BLHS. Xử phạt bị cáo **Lê Văn S** từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ

ngày 19/02/2026. - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65- BLHS. Xử phạt bị cáo **Mai Duy K1** từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng về tội “Đánh bạc”. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). - Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35- BLHS xử phạt các bị cáo **Lê Văn T3**, **Lê Trọng T4** từ số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) đến 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng) về tội “Đánh bạc”. - Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35- BLHS. Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) đến 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) về tội “Đánh bạc”. - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35- BLHS. Xử phạt bị cáo **Lê Trọng Q** số tiền từ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đến 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35- BLHS. Xử phạt bị cáo **Lê Thị V** và **Lê Võ Q1** số tiền từ 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) đến 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35- BLHS. Xử phạt bị cáo **Lê Võ T7** số tiền từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.* Vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2, Điều 106 -Bộ luật Tố tụng Hình sự. + Tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:- 01 (Một) bát sứ màu trắng nhãn hiệu Thái Bình, đường kính miệng 10,5 cm, đường kính đế 4,5 cm, đã qua sử dụng; - 01 (Một) đĩa sứ màu trắng không rõ nhãn hiệu, viền ngoài có hình dạng bốn cạnh cong, miệng đĩa có kích thước (18,5 x 20,5)cm, đường kính đế 11cm, đã qua sử dụng;- 04 (Bốn) mảnh giấy hình tròn đường kính 02 cm, được cắt từ vỏ bao thuốc lá, một mặt màu vàng, mặt còn lại màu trắng;Các vật chứng hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8- Nghệ An) theo biên bản giao nhận ngày 15/5/2026.

+ Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số vật chứng gồm:

- Số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc hiện đang được bảo quản tại **Phòng G**- kho bạc Nhà nước khu vực XI.

*Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo **Lê Văn S**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng Q**, **Lê Trọng T4**, **Lê Văn H**, **Lê Võ T7**, **Lê Thị V** và **Lê Võ Q1**.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng: **Lê Văn S**, **Mai Duy K1**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng T4**, **Lê Trọng Q**, **Lê Văn H**, **Lê Võ Q1**, **Lê Võ T7**, **Lê Thị V** đều thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản sự việc lập vào hồi 00 giờ 45 ngày 19/02/2026, phù hợp với lời khai người chứng kiến và cũng phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, từ đó xác định được: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/02/2026 tại khu vực đường bê tông thuộc **xóm L**, **xã N**, **tỉnh Nghệ An**, các bị cáo gồm **Lê Văn S**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng Q**, **Lê Võ Q1**, **Lê Trọng T4**, **Lê Văn H**, **Mai Duy K1**, **Lê Thị V** và **Lê Võ T7** cùng nhau tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa ăn tiền, mỗi ván đặt cược tối thiểu 100.000đ. Sau khi chơi được một lúc thì **Lê Thị V** thua hết tiền nên nghỉ chơi và đứng bên cạnh để xem các đối tượng còn lại đánh bạc. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 19/02/2026, khi các đối tượng **Lê Văn S**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng Q**, **Lê Võ Q1**, **Lê Trọng T4**, **Lê Văn H**, **Mai Duy K1** và **Lê Võ T7** đang đánh bạc thì bị tổ công tác **Công an xã N** phát hiện và tiến hành lập biên bản sự việc. Tổng số tiền 09 bị cáo trên sử dụng để tham gia đánh bạc là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Khi bị bắt quả tang, các đối tượng đánh bạc lấy tiền trước mặt và bỏ chạy nên không xác định được số tiền thắng bạc cụ thể của từng bị cáo.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo **Lê Văn S**, **Mai Duy K1**, **Lê Văn T3**, **Lê Trọng T4**, **Lê Trọng Q**, **Lê Văn H**, **Lê Võ Q1**, **Lê Võ T7**, **Lê Thị V** đã phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự nên phải chịu trách nhiệm về hình sự.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng

nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn đánh bạc trên địa bàn. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền hay hiện vật dưới bất kỳ hình thức nào cũng đều bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Như vậy mới có tác dụng phòng ngừa tội phạm và giáo dục chung trong xã hội.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của từng bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo **Lê Văn S** thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm, cụ thể: ngày 29/8/2022, bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án Khu vực 8- Nghệ an) xử phạt 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng; phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng) về tội “đánh bạc”; bị cáo chưa thực hiện xong hình phạt bổ sung số tiền: 10.000.000đ (mười triệu đồng) đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS. Bị cáo **Mai Văn K2** có nhân thân xấu, ngày 14/01/2019 bị **UBND thị xã T**, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ pháo trái phép” với số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); Ngày 23/9/2021 bị TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án Khu vực 8- Nghệ An) xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chấp hành xong hình phạt ngày 20/7/2023.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS; Các bị cáo **Lê Văn T3**, **Mai Duy K1**, **Lê Trọng T4**, **Lê Trọng Q**, **Lê Văn H**, **Lê Võ Q1**, **Lê Võ T7**, **Lê Thị V** đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo **Lê Văn S**, **Lê Văn T3**, **Mai Duy K1**, **Lê Văn H**, **Lê Trọng Q**, **Lê Võ T7** sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo **Lê Trọng T4** có cha là **Lê Trọng L2**, mẹ **Lê Thị T5** được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhì; **Lê Văn T3** có cha là **Lê Văn C1**, mẹ **Trương Thị M** được nhà nước tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo **Mai Duy K1** có cha là ông **Mai Văn C** được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhì, **K1** có 03 con dưới 15 tuổi, bị cáo là lao động tự do, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Phân hóa vai trò, vị trí và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử đánh giá vai

trò, vị trí của các bị cáo như sau: Các bị cáo đều là những người thực hành tích cực, trực tiếp tham gia vào đánh bạc.

Bị cáo **Lê Văn S** đánh bạc số tiền là 1.800.000 đồng (Trong đó số tiền 800.000đ là của bị cáo; số tiền 1.000.000 đồng bị cáo vay của bị cáo **H**); bị cáo **S** là người cầm cái, chuẩn bị một bộ bát, đĩa sứ để đánh đánh bạc và là người sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất. Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm, vì vậy bị cáo **S** phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu vụ. Tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hình vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã đầu thú. Nhưng việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo **Mai Văn K2** dùng số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc, bị cáo **K2** có nhân thân xấu nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự ở vị trí thứ hai. Tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 thì bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, khoản 2 Điều 51-BLHS. Vì vậy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 – BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương đồng thời phạt bổ sung đối với bị cáo cũng đủ nghiêm.

Bị cáo **Lê Văn T3** là người tham gia đánh bạc tích cực và sử dụng số tiền 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc; bị cáo **T3** là người chuẩn bị con xúc xắc để đánh bạc; Bị cáo **Lê Trọng T4** sử dụng số tiền 1.000.000đ (trong đó 500.000đ bị cáo vay của bị cáo **T3**). Bị cáo **T4** tham gia đánh bạc tích cực và là người trực tiếp cầm cái. Nên vai trò của bị cáo **T3**, bị cáo **T4** là ngang nhau và chịu trách nhiệm hình sự ở vị trí thứ ba.

Bị cáo **Lê Văn H** và bị cáo **Lê Trọng Q** đều sử dụng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) để đánh bạc, tuy nhiên bị cáo **H** có vai trò tích cao hơn khi cho bị cáo **S** vay số tiền 1.000.000đ để bị cáo **S** sử dụng số tiền bị cáo **H** cho vay vào việc đánh bạc nên bị cáo Huỳnh phải chịu trách nhiệm hình sự ở vị trí thứ tư và bị cáo **Q** chịu trách nhiệm hình sự ở vị trí thứ năm.

Bị cáo **Lê Võ Q1** sử dụng số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc, bị cáo **Lê Thị V** sử dụng số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Bị cáo **Q1** và bị cáo **V** đều đánh bạc với số tiền không lớn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự vị trí tiếp theo.

Bị cáo **Lê Võ T7** sử dụng số tiền ít nhất để đánh bạc (200.000 đồng) và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò cuối.

Các bị cáo **Lê Văn T3**, **Lê Trọng Q**, **Lê Văn H**, **Lê Võ Q1**, **Lê Trọng T4**, **Lê Võ T7** và **Lê Thị V** đều có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, số tiền đánh bạc không lớn nên cần áp dụng Điều 35- BLHS xử phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo **Lê Văn T3**, **Lê Trọng Q**, **Lê Văn H**, **Lê Võ Q1**, **Lê Trọng T4**, **Lê Võ T7** và **Lê Thị V**, **Lê Văn S** đều có điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47- BLHS, điểm a, c khoản 1 điều 106 – BLTTHS. Tịch thu, tiêu hủy:

-01 (Một) bát sứ màu trắng nhãn hiệu Thái Bình, đường kính miệng 10,5 cm, đường kính đế 4,5 cm, đã qua sử dụng;

- 01 (Một) đĩa sứ màu trắng không rõ nhãn hiệu, viền ngoài có hình dạng bốn cạnh cong, miệng đĩa có kích thước (18,5 x 20,5)cm, đường kính đế 11cm, đã qua sử dụng;

-04 (Bốn) mảnh giấy hình tròn đường kính 02 cm, được cắt từ vỏ bao thuốc lá, một mặt màu vàng, mặt còn lại màu trắng;

Các vật chứng trên hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8- Nghệ An) theo biên bản giao nhận ngày 15/5/2026.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số vật chứng gồm:

- Số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc hiện đang được bảo quản tại kho bạc Nhà nước khu vực XI – Phòng giao dịch 21.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38- BLHS.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn S** 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/02/2026;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65- BLHS.

+ Xử phạt bị cáo **Mai Duy K1** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Giao bị cáo **Mai Duy K1** về cho **UBND xã N**, **tỉnh Nghệ An**; nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường

hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 - BLHS.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn T3** số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”; Trả tự do cho bị cáo **Lê Văn T3** tại phiên tòa.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Trọng T4** số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Trọng Q** số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 - BLHS;

+ Xử phạt bị cáo **Lê Võ Q1** số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Thị V** số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 35- BLHS. Xử phạt bị cáo **Lê Võ T7** số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy:

01 (Một) bát sứ màu trắng nhãn hiệu Thái Bình, đường kính miệng 10,5 cm, đường kính đế 4,5 cm, đã qua sử dụng;

01 (Một) đĩa sứ màu trắng không rõ nhãn hiệu, viền ngoài có hình dạng bốn cạnh cong, miệng đĩa có kích thước (18,5 x 20,5)cm, đường kính đế 11cm, đã qua sử dụng;

04 (Bốn) mảnh giấy hình tròn đường kính 02 cm, được cắt từ vỏ bao thuốc lá, một mặt màu vàng, mặt còn lại màu trắng;

Các vật chứng hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8- Nghệ An) theo biên bản giao nhận ngày 15/5/2026

+ Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc hiện đang được bảo quản tại kho bạc Nhà nước khu vực XI – Phòng giao dịch 21 theo biên bản giao nhận ngày 17/4/2026.

-Về án phí: Áp dụng điều 136- BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (Kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án). Buộc các bị cáo **Lê Văn S, Mai Duy K1, Lê Văn T3, Lê Trọng T4, Lê Trọng Q, Lê Văn H, Lê Võ Q1, Lê Võ T7, Lê Thị V** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Khu vực 8- Nghệ An;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

V1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hải Nguyễn Văn Q3

Thái Thị H3

Nơi nhận:

- Các Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Thái Thị Hà

